TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:11/2023/DS-ST Ngày: 23 - 02 - 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông: Nguyễn Văn Dương;

2.Ông: Nguyễn Thành Quyến.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan Văn T,** năm sinh 1963.

Địa chỉ: Khu vực 2, Phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Lê Thành T**, năm sinh 1987.

Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Lê Văn V.

Địa chỉ:: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Huỳnh Thị Đ.

Địa chỉ:: ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phan Văn T trình bày:

Do quen biết nhau nên ngày 19.7.2016, bị đơn Lê Thành T có vay tiền của nguyên đơn tổng số 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích mua xe đầu kéo.

Khi vay thì bị đơn có giao cho nguyên đơn Hợp đồng ủy quyền từ ông Lê Văn V và bà Huỳnh Thị Đ ủy quyền cho bị đơn được toàn quyền thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất các phần đất sau:

Các thửa đất số 1093, 83 và 159 cùng tờ bản đồ số 02 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00027, CH00025 và CH00026 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 06.02.2012 cho Lê Văn V.

Sau khi vay thì bị đơn chỉ đóng một lần tiền lãi là 10.000.000 đồng, từ đó đến nay không đóng thêm được lần nào tiền lãi và cũng không trả nợ gốc. Đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn và gia đình có hứa nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do quyền lợi ích bị xâm phạm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Lê Thành T có nghĩa vụ trả nguyên đơn 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản về việc lấy lời khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn V trình bày:

Lê Thành T là con ông V, bà Đ. Vào năm 2016 ông V, bà Đ do tuổi cao nên không đứng vay Ngân hàng được nên có làm thủ tục ủy quyền cho con là Lê Thành T để thực hiện quyền của người sử dụng đất, cụ thể là để giao dịch vay tiền với Ngân hàng. Vợ chồng ông V, bà Đ ủy quyền phần đất thuộc ấp A, xã B gồm các thửa: 83, 159, 1093 thuộc các giấy CNQSDĐ do UBND huyện Phụng Hiệp cấp ngày 06/02/2012 cho Lê Văn V.

Sau khi vợ chồng ông V, bà Đẹ làm thủ tục ủy quyền thì T đi vay tiền như thế nào ông V, bà Đ hoàn toàn không biết. Ông V, bà Đ chỉ nghĩ T đi vay Ngân hàng. Việc T vay tiền của Phan Văn T thì vợ chồng ông V, bà Đ không hay biết, đến khi ông T khởi kiện mới biết.

Sau đó khoảng hơn 01 năm thì T về báo với ông V, bà Đ là mất hết các GCNQSDĐ trên nên ông V mới liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục

xin được cấp Giấy mới và sau đó một thời gian bao lâu không nhớ thì ông V được cấp giấy mới.

Sau khi được cấp giấy mới, ông V là người giữ giấy nhưng sau đó T lại nói là giữa T và Nguyễn Công T có giao dịch vay mượn tiền bạc gì đó nên T kêu ông V ra Công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho Nguyễn Công T, vợ chồng ông V, bà Đ có đến Phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho Nguyễn Công T chớ thực tế tiền bạc gì giữa ông T với T giao dịch thế nào thì vợ chồng ông V, bà Đ không biết và vợ chồng ông cũng không có bán đất cho ông T. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Theo nguyên đơn thì các các GCNQSDĐ do nguyên đơn đang giữ mới có giá trị và các GCNQSDĐ cấp sau cho ông V thì không có giá trị vì khi cấp thì phần đất này đã thế chấp giấy cho nguyên đơn, nguyên đơn chưa có yêu cầu gì đối với các GCNQSDĐ trong vụ án này.

Quá trình tố tụng bị đơn Lê Thành T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ gốc cho nguyên đơn là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thành T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn V và Huỳnh Thị Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai,

vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Lê Văn V và Huỳnh Thị Đ có lập hợp đồng ủy quyền cho bị đơn Lê Thành T được quyền thế chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: CH00025, CH00026 và CH00027 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp cùng ngày 06 tháng 9 năm 2012 cho ông Lê Văn V (Gọi tắt là các GCNQSDĐ), được Văn phòng công chứng Vị Thanh chứng nhận ngày 19 tháng 02 năm 2016.

[3.1] Vào ngày 01 tháng 3 năm 2016 bị đơn Lê Thành T có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các GCNQSDĐ nêu trên cho Phan Văn T được Văn phòng công chứng Vị Thanh chứng nhận.

[3.2] Đến ngày 19 tháng 7 năm 2016, bị đơn Lê Thành T có viết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cũng là Hợp đồng vay tiền với nguyên đơn, nội dung: Thế các chấp các GCNQSDĐ nêu trên cho Phan Văn T để vay số tiền 1.600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2016 đến ngày ngày 19 tháng 7 năm 2017, lãi suất 3%/tháng, cam kết nếu bên thế chấp không thực hiện đúng theo yêu cầu thì sẽ đưa ra Tòa giải quyết.

[4] Xét lời trình bày của ông Lê Văn V: Ông V, bà Đ có ủy quyền cho bị đơn Lê Thành T để vay tiền nhưng ông, bà không biết việc T vay bao nhiêu tiền và vay của ai. Như vậy ông, vui, bà Đ có ủy quyền cho bị đơn được thế chấp các GCNQSDĐ để vay tiền.

[5] Xét chứng cứ các bên cung cấp: Nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Vị Thanh chứng nhận ngày 19 tháng 02 năm 2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các GCNQSDĐ cho Phan Văn T được Văn phòng công chứng Vị Thanh chứng nhận ngày 01 tháng 3 năm 2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cũng là Hợp đồng vay tiền (Lê Thành T vay tiền của Phan Văn T).

[5.1] Bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như thừa nhận việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh.

[5.2] Xâu chuỗi các chứng cứ và các mốc thời gian diễn biến sự việc, có căn cứ xác định: Bị đơn Lê Thành T có vay của nguyên đơn Phan Văn T số

tiền 1.600.000.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5.3] Về lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định chỉ thu được 10.000.000 đồng lãi, bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh việc đóng được bao nhiêu lãi nên không có căn cứ để tính khấu trừ vào nợ gốc phần lãi suất thu vượt nếu có.

[5.4] Đối với các các GCNQSDĐ bản chính mà nguyên đơn đang giữ, ông Lê Văn Vui xác định: Các GCNQSDĐ này ông đã báo mất và cơ quan có thẩm quyền đã cấp lại các GCNQSDĐ khác cũng là phần đất này do ông đang quản lý sử dụng, ông Vui không có yêu cầu gì đối với các GCNQSDĐ bản chính mà nguyên đơn đang giữ nên không đặt ra xem xét. Đối với nguyên đơn cũng biết được rằng các các GCNQSDĐ bản chính mà nguyên đơn đang giữ thì ông Lê Văn V được cấp giấy mới nhưng nguyên đơn không có yêu cầu hoặc khiếu nại gì về việc cấp giấy mới cho ông Lê Văn V trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn thành một vụ kiện dân sự khác khi có căn cứ chứng minh.

[6] Qua đánh giá chứng cứ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Thành T có nghĩa vụ trả nguyên đơn Phan Văn T số tiền 1.600.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án có giá ngạch.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Lê Thành T có nghĩa vụ trả Phan Văn T tổng số tiền nợ gốc 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Lê Thành T có nghĩa vụ phải nộp 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Phan Văn T được nhận lại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000508, ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm